

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

(Ban hành theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/FTEL ngày 20/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông FPT)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác quản lý tài chính (vốn, tài sản, kế toán, đầu tư, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính) của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “FPT Telecom”) và các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc của Công ty.

2. Quy chế này áp dụng đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc của Công ty. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

- “**Luật Kế toán**” là Luật số 88/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- “**Công ty**” hoặc “**FPT Telecom**” là Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

- “**Điều lệ**” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của FPT Telecom được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp gần nhất.

- “**ĐHĐCĐ**” là từ viết tắt của Đại hội đồng cổ đông FPT Telecom.

- “**HĐQT**” là từ viết tắt của Hội đồng quản trị FPT Telecom.

- “**Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc**” là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, trung tâm, đơn vị hạch toán phụ thuộc được thành lập theo quyết định của FPT Telecom và không có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam.

- “**Công ty con**” là các doanh nghiệp mà FPT Telecom nắm trên 50% vốn điều lệ.

- Báo cáo tài chính được sử dụng để tham chiếu về tổng giá trị tài sản trong Quy chế này là Báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom.

- “**Vốn huy động của FPT Telecom**” là số vốn FPT Telecom huy động dưới các hình thức: Phát hành trái phiếu, cổ phiếu, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của Công ty theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thoả thuận giữa Công ty và chủ nợ. Khi phát hành thêm cổ phiếu mới sẽ ưu tiên bán cho cổ đông Công ty theo cổ phần hiện hữu trước khi bán ra ngoài, trừ khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông; Vốn vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, những khoản vay khác chưa đến kỳ hạn trả và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Điều khoản chung

FPT Telecom là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính; được mở tài khoản tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật; tự chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ của FPT Telecom; có bảng cân đối tài khoản riêng; được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quản lý tài chính của FPT Telecom được thực hiện trên những nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ nghiêm túc Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, các quy định quản lý tài chính của Nhà nước, Điều lệ FPT Telecom.

b) Đảm bảo mọi hoạt động tài chính của FPT Telecom được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

c) Đảm bảo tính minh bạch, tính giải trình.

d) Mọi phân cấp thẩm quyền quyết định tài chính phải phù hợp với Điều lệ FPT Telecom.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Những nội dung không quy định cụ thể trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và các quy định khác của FPT Telecom.

2. Bất kỳ một dẫn chiếu nào nêu tại Quy chế này được hiểu là bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc FPT Telecom ban hành phù hợp với các quy định có liên quan tới hoạt động kinh doanh của FPT Telecom.

3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến việc quản lý tài chính của FPT Telecom chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh việc quản lý tài chính của FPT Telecom.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA FPT TELECOM

MỤC 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 6. Vốn của FPT Telecom

1. Vốn của FPT Telecom bao gồm vốn do các cổ đông đầu tư, vốn do huy động, tích lũy và vốn từ các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn điều lệ của FPT Telecom là tổng mệnh giá cổ phần các loại mà Công ty đã bán và được ghi trong Điều lệ Công ty. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải tuân thủ đầy đủ theo các quy định của pháp luật.

3. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ:

Vốn Điều lệ của FPT Telecom được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

a) Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn.

b) Cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp và các chủ nợ.

c) Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần: Việc tăng vốn Điều lệ chỉ được thực hiện khi đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo quy định của Pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

d) Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng.

4. Điều chỉnh giảm vốn điều lệ:

Khi có thay đổi về ngành nghề kinh doanh, giảm quy mô hoạt động hoặc một lý do khác dẫn đến sự cần thiết phải điều chỉnh giảm vốn điều lệ, Công ty được quyền giảm vốn điều lệ theo hình thức mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Huy động vốn

1. FPT Telecom được quyền huy động vốn của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, để phục vụ cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm hoàn trả đủ gốc và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết.

2. Hình thức huy động vốn:

Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty có thể huy động vốn bằng các hình thức sau:

a. Phát hành thêm cổ phiếu:

- Căn cứ vào quyết định của ĐHCĐ về loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán từng loại, HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề khác liên quan tới phát hành thêm cổ phiếu theo phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông Công ty phù hợp với kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Phát hành trái phiếu:

- HĐQT quyết định việc phát hành trái phiếu để huy động vốn theo đề xuất của Tổng Giám đốc căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành theo Điều lệ Công ty. Trường hợp trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thì HĐQT cần có phê chuẩn của ĐHĐCĐ trước khi thực hiện.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm giám sát các vấn đề liên quan tới trái phiếu của doanh nghiệp và báo cáo các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện.

c. Hoạt động vay tín dụng từ các tổ chức tín dụng, cá nhân, tổ chức khác:

- Công ty có quyền ký kết các hợp đồng tín dụng để huy động vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, tối ưu lợi nhuận và đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty và các chi nhánh.

- Khuyến khích Công ty tìm kiếm, lựa chọn các ngân hàng cấp các khoản vay có lãi suất ưu đãi nhằm tối ưu chi phí tài chính của Công ty.

- Hàng năm, Tổng Giám đốc căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh xem xét và quyết định các vấn đề liên quan tới hoạt động vay tín dụng trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định phân cấp thẩm quyền nội bộ của Công ty.

d. Hoạt động vay nội bộ giữa Công ty và các Công ty con (bao gồm cả các chi nhánh):

- Công ty được phép thực hiện các hoạt động vay và cho vay nội bộ giữa Công ty và các Công ty con, chi nhánh của Công ty nhằm tối ưu dòng tiền, tạo lợi nhuận tài chính (nếu có) và đảm bảo nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Công ty con, chi nhánh.

- Tổng Giám đốc căn cứ theo phân cấp ủy quyền của HĐQT tùy từng thời điểm, quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới hoạt động vay và cho vay nội bộ giữa Công ty và các Công ty con (bao gồm cả các chi nhánh) thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tối ưu nguồn tài chính cho Công ty trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn và có áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong hoạt động vay và cho vay nội bộ.

- Tổng Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm đối với việc luân chuyển các dòng tiền vay và cho vay này giữa FPT Telecom và các Công ty con phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế này, các quyết định, phê duyệt khác của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty tùy từng thời điểm.

3. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Việc huy động vốn phải có phương án được phê duyệt theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này trên nguyên tắc phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ. Người phê duyệt và người triển khai thực hiện phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả.

b) Việc vay vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật.

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo các quy định của pháp luật về vay trả nợ nước ngoài.

d) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ hoạt động kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh

nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 8. Bảo toàn vốn

1. FPT Telecom có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã góp. Mọi biến động về tăng, giảm vốn điều lệ phải thực hiện báo cáo ĐHCĐ để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn tại FPT Telecom được thực hiện bằng các biện pháp:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tài sản tại doanh nghiệp, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động, việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả, thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ của FPT Telecom.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định và hạch toán tiền mua bảo hiểm vào chi phí kinh doanh.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của FPT Telecom.

d) Được hạch toán vào chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động khác các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản dự kiến giảm giá vật tư, hàng hoá tồn kho sẽ xảy ra trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi: là dự kiến các khoản công nợ không có khả năng thu hồi được trong tổng số phải thu của Công ty;

- Dự phòng các khoản giảm giá các khoản đầu tư tài chính;

- Dự phòng về trợ cấp mất việc làm;

Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật.

e) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng:

- Các khoản dự phòng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính, giúp cho FPT Telecom có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho FPT Telecom phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư tài chính không cao hơn giá cả trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng được thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính, chế độ kế toán và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

- Thẩm quyền phê duyệt việc trích lập các khoản dự phòng: Tổng Giám đốc FPT Telecom phê duyệt việc trích lập các khoản dự phòng trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Quản lý nợ phải trả

1. Nợ phải trả là các khoản nợ mà FPT Telecom, các đơn vị trực thuộc chưa thanh toán cho các tổ chức, cá nhân khác. Bao gồm: phải trả cho người bán; người mua trả tiền trước; phải trả cho người lao động; thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước; phải trả nội bộ; các khoản phải trả, phải nộp khác; vay ngắn hạn; vay dài hạn; trái phiếu phát hành và vay khác.

2. FPT Telecom có trách nhiệm:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, gồm cả các khoản lãi phải trả theo từng đối tượng nợ. Định kỳ thực hiện xác nhận, đối chiếu các khoản nợ phải trả với chủ nợ.

b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn theo hợp đồng hoặc cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ để có giải pháp thanh toán nợ kịp thời, để tránh phát sinh các khoản nợ quá hạn. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức cá nhân để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của FPT Telecom.

c) Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ phải được mở sổ theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam. Việc đánh giá các khoản nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ và xử lý chênh lệch được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 10. Quản lý vốn đầu tư xây dựng

1. Quản lý vốn trong quá trình đầu tư xây dựng từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế nội bộ của FPT Telecom.

2. Tổng Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh tại FPT Telecom, số liệu, tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến báo cáo tài chính, quyết toán vốn đầu tư của các công trình xây dựng hoàn thành, công trình đầu tư nâng cấp sửa chữa. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tự thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư theo quy chế giám sát hiện hành. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư xây dựng được thực hiện theo Điều lệ, quy trình đầu tư của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Thẩm quyền phê duyệt đầu tư:

3.1. ĐHĐCĐ quyết định việc đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên.

3.2. HĐQT quyết định các khoản đầu tư có tổng mức đầu tư từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ của Công ty.

3.3. Tổng Giám đốc quyết định việc đầu tư dự án có tổng mức đầu tư dưới 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Công ty.

Điều 11: Điều tiết nguồn vốn

1. Việc điều tiết vốn và tài sản giữa các Công ty và Đơn vị trực thuộc từ nơi thừa sang nơi thiếu tương ứng với nhiệm vụ kinh doanh từng thời kỳ do Tổng Giám đốc xem

xét quyết định phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và Đơn vị phụ thuộc.

2. Việc điều tiết nguồn vốn giữa Công ty và Công ty con phải thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo về tình hình điều tiết nguồn vốn giữa Công ty và các Công ty con, Đơn vị phụ thuộc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

MỤC 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 12. Tài sản của FPT Telecom

Tài sản của FPT Telecom được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do FPT Telecom quản lý và sử dụng, bao gồm:

1. Tài sản ngắn hạn: Tiền, hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản nợ phải thu ngắn hạn, các tài sản ngắn hạn khác;

2. Tài sản dài hạn: Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu dài hạn và các tài sản dài hạn khác;

3. FPT Telecom thực hiện quản lý và sử dụng tài sản để đảm bảo sử dụng tài sản có hiệu quả, tránh lãng phí, ứ đọng, không cần dùng, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu; thực hiện đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định tại Quy chế này;

4. FPT Telecom được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản phù hợp quy định của pháp luật, theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

Điều 13. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định

1. Tài sản cố định của FPT Telecom bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của FPT Telecom:

a) Đối với thẩm quyền quyết định dự án đầu tư xây dựng:

- Thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 10, Quy chế này.

- Tổng Giám đốc lập phương án riêng đối với từng dự án, trình HĐQT xem xét và báo cáo ĐHCĐ quyết định đối với các dự án thuộc thẩm quyền ĐHCĐ; trình HĐQT phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

b) Đối với thẩm quyền quyết định việc mua sắm, nâng cấp tài sản cố định hàng năm của Công ty (áp dụng đối với 01 (một) hạng mục tài sản cố định, không thuộc dự án đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 10, Quy chế này):

- Đại hội đồng cổ đông: Phê duyệt các giao dịch mua sắm, nâng cấp tài sản cố định hàng năm có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- Hội đồng quản trị: Phê duyệt các giao dịch mua sắm, nâng cấp tài sản cố định hàng năm có giá trị từ 100 tỷ đồng đến không quá 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- Tổng Giám đốc:

+ Tổng Giám đốc phải lập phương án riêng với từng hạng mục mua sắm, nâng cấp tài sản cố định, trình HĐQT xem xét và báo cáo ĐHCĐ quyết định đối với giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ; trình HĐQT phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các giao dịch nêu trên theo Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

+ Tổng Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10% vốn điều lệ của FPT Telecom tại báo cáo tài chính gần nhất; quyết định việc mua sắm, nâng cấp tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 100 tỷ đồng.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Cấp nào quyết định đầu tư thì sẽ quyết định các nội dung dự án đầu tư theo các trình tự, thủ tục đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua sắm không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả.

Điều 14. Khấu hao tài sản cố định

1. Tất cả tài sản cố định hiện có của FPT Telecom đều phải thực hiện trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Tổng Giám đốc quyết định mức trích khấu hao cụ thể trong khung quy định của Bộ Tài chính.

Điều 15. Quản lý và sử dụng tài sản cố định

1. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 16. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. FPT Telecom có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của FPT Telecom theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản:

a) Đối với việc cho thuê tài sản:

- ĐHCĐ quyết định: Các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý, năm gần nhất với thời điểm quyết định việc

cho thuê và phù hợp với quy định của pháp luật ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

- HĐQT quyết định: Các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên nhưng không vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý, năm gần nhất với thời điểm quyết định việc cho thuê và phù hợp với quy định của pháp luật ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

- Chủ tịch HĐQT quyết định: Các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị từ 100 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom (trừ trường hợp vay vốn cho mục đích quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp).

- Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch cho thuê tài sản còn lại, ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Thanh lý, nhượng bán tài sản

1. FPT Telecom được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch.

Đối với những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản bị hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu về kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng được thì Công ty có quyền thanh lý.

2. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định phải lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán. Tổng Giám đốc quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán theo phân cấp hoặc theo ủy quyền của HĐQT, ĐHCĐ.

3. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Đại hội đồng cổ đông:

Quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom.

b) Hội đồng quản trị:

Quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 100 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom.

c) Tổng Giám đốc:

Quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại nhỏ hơn 100 tỷ đồng.

4. Việc nhượng bán tài sản thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch và ưu tiên các hình thức thanh lý, nhượng bán có cạnh tranh về giá.

5. Việc nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán được hạch toán vào thu nhập khác. Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán của tài sản thanh lý, nhượng bán và chi phí thanh lý, nhượng bán được hạch toán vào chi phí khác.

7. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a) Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại FPT Telecom. Thành phần Hội đồng do Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- Tự xác định giá trị căn cứ theo giá trị sử dụng, giá trị còn lại theo sổ sách hoặc giá chào mua của đơn vị chào mua. Trong trường hợp cần thiết, có thể thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu mua các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của FPT Telecom.

b) Trường hợp khi FPT Telecom thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, FPT Telecom phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của FPT Telecom thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Công ty, các Đơn vị trực thuộc phải mở sổ sách theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả trong và ngoài Công ty, các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty và các Đơn vị trực thuộc.

2. Đối với các khoản nợ phải thu/ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty phải thực hiện theo dõi đánh giá lại số dư các khoản nợ bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được xử lý theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp phát sinh nợ phải thu/phải trả quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi, FPT Telecom phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tìm biện pháp xử lý thu hồi nợ.

5. Xử lý đối với khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

a. Tổng Giám đốc quyết định xử lý tài chính (sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi để bù đắp) đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi có đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ khó đòi có giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng thuộc các trường hợp: (i) khoản nợ phải thu của khách hàng đối với cước dịch vụ viễn thông, truyền hình hoặc; (ii) khoản nợ phải thu do bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty hoặc; (iii) khoản phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng mỗi khoản.

- Khoản nợ đã được trích lập dự phòng rủi ro 100%.

- Khoản nợ đã quá hạn ít nhất hai (02) năm tính đến thời điểm quyết định xử lý.

Đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi khác, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị quyết định.

b. Công ty sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi để bù đắp giá trị tổn thất của khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã có quyết định xử lý. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi đã có quyết định xử lý theo quy định trên, Công ty tiến hành theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập.

6. Quản lý tạm ứng:

Các khoản tạm ứng được theo dõi cụ thể theo từng đối tượng và thời gian hoàn ứng.

Điều 19. Quản lý tiền tệ

1. Ban Tài chính Kế toán FPT Telecom quản lý tiền tệ theo đúng quy định và hạch toán theo chuẩn mực kế toán ban hành.

2. Ban Tài chính Kế toán ngân hàng thực hiện báo cáo số dư tiền gửi cho Tổng Giám đốc khi có yêu cầu.

Điều 20. Đầu tư vốn ra ngoài FPT Telecom

1. FPT Telecom được quyền sử dụng tài sản thuộc quyền quản lý để đầu tư ra ngoài nhằm mục đích sinh lời. Việc đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm nguyên tắc có hiệu quả và phát triển vốn, tăng thu nhập mà không ảnh hưởng đến nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư vốn ra bên ngoài phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế tài chính của doanh nghiệp được đầu tư, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của FPT Telecom, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập cho FPT Telecom và phải thực hiện công khai, minh bạch

b) Trong trường hợp việc đầu tư vốn ra ngoài FPT Telecom có liên quan đến đất đai thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

c) FPT Telecom không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là người có quan hệ gia đình hoặc người có liên quan theo quy định của pháp luật ngoại trừ các doanh nghiệp là Công ty con, công ty liên kết của FPT Telecom.

d) FPT Telecom không được sử dụng tài sản đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài FPT Telecom gồm:

a) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các doanh nghiệp khác.

b) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh, góp vốn để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.

c) Mua lại doanh nghiệp khác.

d) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.

e) Góp bổ sung vốn để tăng vốn điều lệ tại các doanh nghiệp có vốn góp của FPT Telecom theo kế hoạch đã thỏa thuận thống nhất giữa các bên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

f) Gửi tiền có kỳ hạn.

g) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài FPT Telecom:

3.1. ĐHCĐ quyết định phê duyệt việc đầu tư, góp vốn liên doanh, mua cổ phần doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư của FPT Telecom lớn hơn 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ của FPT Telecom tại thời điểm quyết định đầu tư.

3.2. HĐQT quyết định phê duyệt:

- Các khoản đầu tư đầu tư, góp vốn liên doanh, mua cổ phần doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp có vốn của FPT Telecom) không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc góp vốn của FPT Telecom tại các doanh nghiệp có vốn của FPT Telecom đối với các trường hợp:

+ Việc góp vốn làm thay đổi tỷ lệ vốn góp của FPT Telecom trên vốn điều lệ của doanh nghiệp; hoặc,

+ Tổng số tiền FPT Telecom tiếp tục đầu tư mua cổ phần, góp vốn tại doanh nghiệp lớn hơn 100 tỷ đồng; hoặc,

+ FTEL góp thêm vốn vào doanh nghiệp có lỗ lũy kế hoặc trong 2 năm liên trước có năm ROE nhỏ hơn 10%.

3.3. Tổng Giám đốc quyết định phê duyệt các trường hợp đầu tư khác, không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của FPT Telecom.

4. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan tới việc gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

- Phê duyệt danh sách các ngân hàng và hạn mức tại từng ngân hàng định kỳ hàng năm.

- Đàm phán các vấn đề về mức lãi suất, kỳ hạn và các vấn đề khác với ngân hàng thực hiện gửi tiền trên cơ sở tối ưu nguồn tài chính và lợi ích của FPT Telecom.

- Xây dựng quy định về tiền gửi và giám sát hoạt động tiền gửi đảm bảo tuân thủ đúng quy định

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất chủ trương, xây dựng phương án đầu tư ra ngoài FPT Telecom báo cáo HĐQT xem xét quyết định hoặc trình ĐHCĐ phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Phương án/Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cần nêu rõ những nội dung sau: mục tiêu đầu tư, cơ sở pháp lý, nội dung và hình thức đầu tư, tính toán hiệu quả đầu tư, nguồn vốn đầu tư, kế hoạch tiến độ đầu tư, giải pháp tổ chức thực hiện đầu tư.

- Phương án đầu tư trình phê duyệt cần kèm theo các hồ sơ tài liệu sau: Thuyết minh dự án đầu tư, phương án thành lập doanh nghiệp (nếu có), dự thảo Hợp đồng liên doanh,

liên kết, thỏa thuận hợp tác đầu tư (nếu có), thông tin về doanh nghiệp dự kiến đầu tư, đối tác hợp tác đầu tư, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các bên có liên quan.

6. Các vấn đề liên quan tới các hình thức đầu tư khác, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tuân thủ và thực hiện theo Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Trong phạm vi thẩm quyền được giao, Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt trên cơ sở tối ưu nguồn tài chính, bảo đảm hoạt động liên tục và lợi ích của Công ty.

7. Trường hợp FPT Telecom góp vốn bằng tài sản (bao gồm cả tài sản đã sử dụng hoặc chưa sử dụng) thì phải thực hiện việc đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chuyển nhượng các khoản đầu tư ra ngoài FPT Telecom

1. Nguyên tắc chuyển nhượng:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Phản ánh đầy đủ giá trị thực tế doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch.

d) Phương án chuyển nhượng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn, FPT Telecom thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng đã ký giữa các bên.

a) Việc chuyển nhượng vốn của FPT Telecom tại công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì việc chuyển nhượng vốn (chuyển nhượng cổ phiếu) thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

c) Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì FPT Telecom thực hiện đấu giá trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

Trường hợp đấu giá nhiều lần không thành công thì cơ quan/người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn chuyển sang bán thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định:

ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Quy chế này. Giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường phù hợp quy định của pháp luật.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong

đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

Điều 22. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. FPT Telecom có quyền và có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển, cận hạn, hết hạn để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì FPT Telecom phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo trưởng các bộ phận liên quan xây dựng các định mức vật tư, nguyên liệu hóa chất tiêu hao và phê duyệt, thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các định mức đã phê duyệt.

Điều 23. Mua bán hàng hóa, vật tư, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu và công cụ, dụng cụ dùng cho sản xuất kinh doanh

1. Hàng năm, các Chi nhánh, Địa điểm kinh doanh, Trung tâm, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch mua sắm hàng hóa, vật tư, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu và công cụ, dụng cụ, trình Hội đồng chuyên môn chấp thuận để trình Tổng Giám đốc phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng mua sắm hàng hóa, vật tư, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu và công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh:

- Tổng Giám đốc quyết định ký kết hợp đồng và kế hoạch đấu thầu mua bán hàng hóa, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom có giá trị trên một hợp đồng nhỏ hơn 100 tỷ đồng, ngoại trừ các hợp đồng và kế hoạch mua hàng cho dự án đã được ĐHCĐ, HĐQT phê duyệt thì thực hiện theo quyết định phê duyệt đó.

- Chủ tịch HĐQT: thông qua hợp đồng và kế hoạch đấu thầu mua bán hàng hóa, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom có giá trị trên một hợp đồng từ 100 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom (trừ các hợp đồng được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp).

- HĐQT thông qua từng hợp đồng và kế hoạch đấu thầu mua bán hàng hóa, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom có giá trị trên một hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) nhưng không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông: thông qua từng hợp đồng và kế hoạch đấu thầu mua bán hàng hóa, dịch vụ, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom.

Điều 24. Kiểm kê tài sản

1. FPT Telecom phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn thuộc quyền quản lý, sử dụng của FPT Telecom, đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp: khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; Khi thực hiện quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản; sau khi xảy ra thiên tai địch họa; Hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động về tài sản của FPT Telecom; Hoặc theo quy định của Nhà nước.

Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể cá nhân có liên quan, xác định mức độ bồi thường vật chất theo quy định.

Trong trường hợp đột xuất, Tổng Giám đốc có thể quyết định kiểm kê, xác định số lượng tài sản đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả... theo quy định tại Quy chế này.

2. Xử lý kết quả kiểm kê

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho, ứ đọng, cận hạn, hết hạn trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. FPT Telecom phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Tổng Giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc đã quyết định.

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng với giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FPT Telecom thì HĐQT lập phương án xử lý tổn thất, báo cáo ĐHCĐ quyết định việc xử lý theo thẩm quyền.

- FPT Telecom có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì HĐQT, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và trước pháp luật.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản. Đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập của FPT Telecom. Đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác. Trường hợp tài sản thừa đã xác định nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

Điều 25. Đánh giá lại tài sản

1. FPT Telecom thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Kiểm kê đánh giá lại tài sản trước khi lập báo cáo tài chính.

- b) Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của ĐHDCD;
- c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- d) Thực hiện chuyển đổi sở hữu.
- e) Dùng tài sản để liên doanh, liên kết, góp vốn vào các doanh nghiệp khác (khi đem tài sản đi góp vốn và khi nhận tài sản về).
- f) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài FPT Telecom.
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 26. Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, hoặc trong việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khi lập báo cáo tài chính của FPT Telecom được quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC 3

DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Điều 27. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của FPT Telecom được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các qui định hiện hành.

2. Doanh thu của FPT Telecom bao gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác do FPT Telecom và các đơn vị trực thuộc thực hiện, bao gồm:

a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ, đó là toàn bộ doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền) bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm.

b) Doanh thu hoạt động tài chính: là doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty. Bao gồm:

- Tiền lãi: lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm (trừ lãi tiền vay phát sinh từ nguồn vốn vay đầu tư xây dựng cơ bản), lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu và các loại chứng chỉ có giá trị khác; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vào Công ty con, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

Trường hợp khoản thu nhập nhận được là thu nhập được chia từ thu nhập sau thuế của hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế thì cơ sở kinh doanh nhận được khoản thu nhập không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên bao gồm các khoản thu từ:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã có quyết định xử lý;
- Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước giảm hoặc hoàn lại (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp);
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ hoặc nguyên nhân từ phía chủ nợ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu nếu có;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng Công ty;
- Các khoản thu nhập của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện;
- Hoàn nhập số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi không sử dụng hết; hoàn nhập số dư chi phí trích trước về bảo hành hàng hoá, sản phẩm công trình và hạng mục công trình khi hết thời hạn bảo hành; chi phí trích trước về sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số thực chi;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

3. Toàn bộ doanh thu và thu nhập khác của FPT Telecom phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật hiện hành và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của FPT Telecom theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4. Doanh thu và thu nhập khác của FPT Telecom được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định hiện hành.

Điều 28. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của FPT Telecom trong năm tài chính. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm một số nội dung sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

1.1. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất, động lực, dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

- 1.2. Chi phí khấu hao tài sản cố định.
 - 1.3. Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động; chi phí tiền lương, thù lao người quản lý FPT Telecom theo quy định.
 - 1.4. Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho người lao động và người quản lý mà FPT Telecom phải nộp theo quy định.
 - 1.5. Chi phí nghiên cứu khoa học công nghệ; sáng kiến, cải tiến; y tế; đào tạo lao động nữ theo chế độ quy định; tài trợ cho giáo dục,...).
 - 1.6. Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh.
 - 1.7. Các khoản dự phòng theo chế độ quy định.
 - 1.8. Chi bảo vệ cơ sở kinh doanh, chi công tác phí;
 - 1.9. Chi tiêu thụ sản phẩm, bảo quản hàng hoá, sản phẩm;
 - 1.10. Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - 1.11. Chi quảng cáo, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch, chi phí hoa hồng môi giới, chi hội nghị và các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ
 - 1.12. Chi phí bằng tiền khác gồm:
 - Tiền thuê đất.
 - Trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động.
 - Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động.
 - Chi cho công tác y tế.
 - Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.
 - Chi phí cho lao động nữ và chi bảo hộ lao động.
 - Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường.
 - Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định.
 - 1.13. Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định.
 - 1.14. Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm.
2. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:
 - 2.1. Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài FPT Telecom.
 - 2.2. Giá trị vốn góp được chuyển nhượng.
 - 2.3. Tiền lãi phải trả do huy động vốn.
 - 2.4. Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán.

- 2.5. Chi phí cho thuê tài sản.
- 2.6. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.
- 2.7. Lỗ bán ngoại tệ.
- 2.8. Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện, do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- 2.9. Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- 2.10. Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- 2.11. Chi cho hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết.
- 2.12. Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
3. Chi phí khác, bao gồm:
 - 3.1. Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.
 - 3.2. Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.
 - 3.3. Chi phí để thu tiền phạt.
 - 3.4. Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
 - 3.5. Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng/vi phạm khác sau khi trừ đi các khoản xử lý trách nhiệm (nếu có).
 - 3.6. Các chi phí khác theo quy định.
4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:
 - 4.1. Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.
 - 4.2. Chi phí lãi vay đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng.
 - 4.3. Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động của FPT Telecom; các khoản chi không có chứng từ chứng minh.
 - 4.4. Các khoản tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường không mang danh FPT Telecom mà do cá nhân gây ra.
 - 4.5. Tiền lương, tiền công của Công ty không thực hiện đúng chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động, trừ trường hợp thuê mướn lao động theo vụ việc.
 - 4.6. Tiền thù lao trả cho các thành viên sáng lập, thành viên hội đồng quản trị của Công ty không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

Điều 29. Quản lý chi phí

1. Chi phí của FPT Telecom bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác. FPT Telecom phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đảm bảo các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

2. FPT Telecom phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của FPT Telecom và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Định kỳ, FPT Telecom phải tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, dịch vụ của FPT Telecom nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

4. Các khoản chi phí của FPT Telecom phải đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ thì không được hạch toán vào chi phí. Đối với các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ, người nào quyết định chi, người đó chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng, ban hành các quy định về định mức lao động; quy định về quản lý chi phí phù hợp với hoạt động kinh doanh của FPT Telecom.

Điều 30. Doanh thu, chi phí tính thuế Thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định doanh thu, chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

MỤC 4

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 31. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của FPT Telecom là tổng của lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư vốn ra ngoài FPT Telecom và lợi nhuận khác của FPT Telecom.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 32. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận của FPT Telecom sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ (nếu có), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ và pháp luật hiện hành.

2. Lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối theo thứ tự sau:

a. Bù khoản lỗ của các năm trước đối với các khoản lỗ không được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

b. Thanh toán các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế;

c. Lợi nhuận thực hiện tập trung của Công ty sau khi trừ đi các khoản tại điểm a và b Khoản này được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các quỹ khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định pháp luật hiện hành.

d. Sau khi đã trích quỹ, thanh toán các khoản nêu trên, lợi nhuận còn lại được chia cổ tức cho các cổ đông. Mức chia cổ tức cho cổ đông căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua.

3. HĐQT trình ĐHĐCĐ FPT Telecom thông qua tỷ lệ trích lập các quỹ và mức chia cổ tức hàng năm theo quy định.

Điều 33. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển:

Quỹ này dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ của FPT Telecom sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất và thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Thưởng cho cá nhân và tổ chức ngoài FPT Telecom có đóng góp nhiều cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý FPT Telecom.

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của FPT Telecom.

- Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong FPT Telecom, bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp.

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

- Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

- Chi bổ sung cho người lao động nhân dịp: Tết nguyên đán, tết dương lịch, ngày 30/4 và 1/5, ngày 2/9 và các ngày lễ tết khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của FPT Telecom.

- Việc sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi do Tổng Giám đốc quyết định.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của FPT Telecom:

- ĐHĐCĐ quyết định mức trích trên cơ sở đề xuất của HĐQT căn cứ vào nhu cầu thực tế chi cho lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Mức trích lập, sử dụng và quyết toán thực hiện theo hướng dẫn Bộ Tài chính.

4. FPT Telecom chỉ được chi các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Điều 34. Chi trả cổ tức

1. FPT Telecom chi trả cổ tức khi sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trích lập các quỹ (nếu có) và bù lỗ các năm trước (nếu có).

2. ĐHĐCĐ quyết định mức trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp và theo quy định tại Điều lệ.

3. Mức chia cổ tức cho cổ đông căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua.

4. HĐQT quyết định việc tổ chức chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật liên quan.

5. Cổ tức chi trả bằng tiền sẽ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và được thanh toán theo quy định của pháp luật.

6. FPT Telecom có quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch chi trả cổ tức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Việc tạm ứng cổ tức được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều này.

HĐQT căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ về kế hoạch chi trả cổ tức, quyết định thời gian và tỷ lệ tạm ứng cổ tức cụ thể.

MỤC 5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 35. Kế hoạch kinh doanh

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh trình HĐQT thông qua và báo cáo trước ĐHĐCĐ. Hàng quý và cuối năm Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính.

2. Tổng Giám đốc duyệt kế hoạch tài chính cho các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc, Công ty con trên cơ sở kế hoạch tài chính của Công ty; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch của các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc, Công ty con.

Điều 36. Kế hoạch đầu tư, xây dựng

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư, xây dựng, sửa chữa lớn hàng năm của FPT Telecom và trình HĐQT xem xét, quyết định.

2. Việc thực hiện đầu tư, xây dựng và sửa chữa lớn hàng năm, FPT Telecom phải thực theo các quy định pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng.

Điều 37. Kiểm toán nội bộ

HĐQT, Tổng Giám đốc thiết lập và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ FPT Telecom phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra trong hoạt động kinh doanh.

Điều 38. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

1. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch; các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng đồng Việt nam, nếu có phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng

Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ; hoặc theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng.

2. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), FPT Telecom phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo này để trình Hội đồng quản trị thông qua và trình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các đơn vị trực thuộc có nghĩa vụ thực hiện các báo cáo quản trị theo quy định của FPT Telecom.

4. Ngoài các báo cáo trên, FPT Telecom phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Công ty thuê đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty hàng năm theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

6. FPT Telecom thực hiện việc công bố thông tin tài chính theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung đã công bố.

Điều 39. Chế độ kế toán, thống kê

FPT Telecom phải tổ chức thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

Năm tài chính của FPT Telecom bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 40. Công tác kiểm toán

Hàng năm, ĐHĐCĐ quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Các công ty kiểm toán lựa chọn phải nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập đủ tiêu chuẩn đã được Bộ Tài chính công bố để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của FPT Telecom. HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 3 chương, 42 điều, được áp dụng cho Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (bao gồm cả các Chi nhánh, Đơn vị phụ thuộc, Công ty con). Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế Quản lý tài chính này thì được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của FPT Telecom và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động quản lý, giám sát tài chính của FPT Telecom chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật có quy định mới khác với quy định tại Quy chế này thì những quy định đó mặc nhiên được áp dụng.

3. Trường hợp quy định cùng một nội dung về lĩnh vực tài chính mà có sự mâu thuẫn giữa các Quy chế khác với Quy chế Tài chính thì thực hiện quy định tại Quy chế Tài

chính. Trường hợp bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này trái với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 42. Tổ chức thi hành

1. Tổng Giám đốc xây dựng các quy chế quản lý nội bộ để trình Hội đồng quản trị FPT Telecom xem xét phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc của FPT Telecom chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị FPT Telecom xem xét, sửa đổi cho phù hợp với hoạt động của FPT Telecom./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Hoàng Việt Anh

